

BÀN VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH VI MÔ Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TS. NGUYỄN NGỌC THAO

TÀI CHÍNH VI MÔ RA ĐỜI XUẤT PHÁT TỪ TÍNH TẤT YẾU KHÁCH QUAN CỦA QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, TẬP TRUNG CHỦ YẾU Ở CÁC NƯỚC SẢN XUẤT NHỎ, CÁC NƯỚC CHẬM PHÁT TRIỂN VÀ ĐANG PHÁT TRIỂN NHƯ VIỆT NAM. TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ, NHẤT LÀ THAM GIA CÁC CAM KẾT CỦA HIỆP ĐỊNH TPP, NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA ĐƯỢC XEM LÀ LĨNH VỰC BỊ ẢNH HƯỞNG NHIỀU NHẤT. ĐIỀU ĐÓ ĐỒNG NGHĨA VỚI VIỆC CÁC HỘ GIA ĐÌNH Ở NÔNG THÔN, CÁC HỘ GIA ĐÌNH TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP - NGƯ NGHIỆP BỊ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT. CÂU HỎI ĐẶT RA LÀ GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH SẼ CÓ VAI TRÒ GÌ TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ? CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH ĐÓ CÓ PHẢI LÀ TÀI CHÍNH VI MÔ HAY KHÔNG?



ANH: XUÂN TRƯỜNG

Quan điểm và mô hình tổ chức tài chính vi mô

Trong thời gian qua cũng như cho đến nay có khá nhiều quan điểm về tài chính vi mô. Nhưng tác giả bài viết đồng tình với quan điểm của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), đó là: *"Tài chính vi mô (TCVM) là việc cung cấp một phạm vi rộng các dịch vụ tài chính như tiền gửi, tài khoản tiết kiệm, thanh toán, bảo hiểm, chuyển tiền cho người nghèo hoặc các hộ gia đình có thu nhập thấp, cho những hoạt động kinh doanh cá thể hoặc doanh nghiệp rất nhỏ"*.

Theo quan điểm trên, đối tượng hoạt động của tài chính vi mô, đó là những hộ gia đình nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ gia đình có thu nhập thấp, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đó chủ yếu là các hộ nông dân, hộ cá thể sống ở nông thôn,...

Từ quan niệm và cách hiểu như trên, có thể thấy rằng những hoạt động tài chính, hay hẹp hơn là hoạt động tín dụng vi mô ở Việt Nam trong thời gian qua do các tổ chức sau tiến hành:

Chương trình TCVM do các tổ

chức phi tín dụng thành lập và hoạt động, đó là TCVM của các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp: Liên đoàn lao động, Hội Phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội chiến binh... và các tổ chức phi Chính phủ quốc tế.

Hoạt động tín dụng vi mô, tức hoạt động tín dụng cho các hộ gia đình, các hộ nông dân vay không cần tài sản thế chấp, tài sản bảo đảm tiền vay... do các Tổ chức tín dụng thực hiện. Trong các tổ chức đó, lớn nhất và chuyên nghiệp nhất là Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank), trên 1.140 Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở... và các NHTM khác có cho vay hộ gia đình đáp ứng được yêu cầu về tín dụng theo quan niệm nói trên.

Khái quát hoạt động tín dụng vi mô và tài chính vi mô

Các hoạt động tín dụng vi mô của tổ chức phi tài chính và tổ chức phi Chính phủ được triển khai tại Việt Nam từ năm 1987 thông qua kênh các đoàn thể xã hội, các tổ chức phi Chính phủ để tiếp cận được với người nghèo. Trong khoảng

thời gian từ cuối thập niên 80 đến cuối thập niên 90, hoạt động TCVM phát triển nhanh chóng, các dịch vụ TCVM ngày càng tỏ rõ vai trò của mình trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo, góp phần tích cực cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội.

Tuy nhiên, đến những năm đầu thế kỷ 20, hoạt động TCVM lại gặp nhiều khó khăn, nhiều chương trình, dự án TCVM lần lượt đóng cửa. Trong bối cảnh này, nhiều tổ chức đã nỗ lực tìm mọi cách để tồn tại và phát triển. Đến nay, các tổ chức tham gia cung cấp dịch vụ TCVM được chia thành ba nhóm: chính thức, bán chính thức và phi chính thức.

Về các tổ chức hoạt động chính thức, đến nay có 3 tổ chức tài chính vi mô được NHNN cấp phép đang hoạt động, đó là TYM, M7 và Tổ chức tài chính vi mô Thanh Hóa.

Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV Tình Thương (TYM) là một đơn vị trực thuộc Hội LHPN Việt Nam, chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính vi mô (vốn, tiết kiệm, các dịch vụ phi tài chính khác) ở khu vực nông thôn và bán đô thị. Được thành lập năm 1992, đến năm 2010

được NHNN cấp phép hoạt động theo Luật các TCTD. Trải qua hơn 24 năm phát triển và trưởng thành, với thành tích giúp đỡ hàng nghìn chị em phụ nữ thoát nghèo bền vững, vươn lên làm giàu, xây dựng mô hình vay vốn dễ dàng và phù hợp với các hộ gia đình tại các địa bàn nông thôn, góp phần tích cực vào công cuộc xóa đói giảm nghèo của đất nước. TYM đã vinh dự nhận được những giải thưởng cao quý do Nhà nước trao tặng như Huân chương lao động hạng Nhất, Giải thưởng phụ nữ Việt Nam, Tổ chức tài chính vi mô tiêu biểu... Địa bàn hoạt động của TYM là Hà Nội, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Thanh Hoá, Nghệ An.

Tổ chức Tài chính vi mô Thanh Hóa được NHNN cấp phép trở thành tổ chức Tài chính vi mô chính thức theo luật các tổ chức tín dụng vào ngày 25/08/2014.

Tổ chức M7 được NHNN cấp giấy phép và hoạt động ngày 13/01/2012 và chính thức hoạt động năm 2013. Hiện nay, M7 có Trụ sở chính tại Hà Nội, 3 Chi nhánh và 11 Phòng giao dịch hoạt động trên địa bàn 2 tỉnh Sơn La và Quảng Ninh.

M7 ra đời trên cơ sở chuyển đổi hoạt động TCVM của Quỹ hỗ trợ phụ nữ miền núi phát triển huyện Mai Sơn tỉnh Sơn La, Quỹ hỗ trợ phụ nữ

Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh (thành lập năm 2007) và Quỹ khuyến khích phụ nữ phát triển thị xã Uông Bí (thành lập năm 2004). Chức năng chủ yếu của tổ chức này là sử dụng vốn tự có, vốn huy động để hỗ trợ người nghèo, người có thu nhập thấp, đặc biệt là phụ nữ và nhóm dân tộc thiểu số ở các vùng nghèo và miền núi cao của Việt Nam, từ đó góp phần thực hiện chủ trương xóa đói giảm nghèo quốc gia.

Cho đến nay chưa có được số liệu chính thức về quy mô hoạt động (số thành viên, dư nợ cho vay, số vốn) của 3 tổ chức nói trên, nhưng chắc chắn là nhỏ và phạm vi theo giấy phép thì cũng còn nhiều hạn chế.

Thị trường bán chính thức bao gồm hoạt động của các tổ chức không thuộc đối tượng cấp phép hoạt động của NHTW. Việc cấp phép, quản lý hoạt động của khu vực này do các cơ quan quản lý khác nhau thực hiện, tùy thuộc vào loại hình tổ chức tham gia cung cấp dịch vụ tài chính vi mô. Ở Việt Nam, các tổ chức tham gia thị trường TCVM bán chính thức là các quỹ xã hội, hoạt động của các tổ chức phi chính phủ (NGOs), những chương trình, dự án có cấu phần cung cấp dịch vụ TCVM. Các tổ chức đoàn thể, NGOs nước ngoài cũng là những đối tác tham gia cung cấp TCVM ở khu vực bán chính thức. Các tổ chức bán

chính thức thực chất là các tổ chức được liên kết với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp tại Việt Nam, là các cơ quan đại diện hợp pháp của Chính phủ trong quản lý, tài trợ và phối hợp các NGOs quốc tế để triển khai các chương trình TCVM.

Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam và Đoàn Thanh niên Việt Nam là 3 tổ chức quản chúng đang quản lý nhiều chương trình tiết kiệm và vay vốn theo nhóm, triển khai các dự án TCVM do các NGOs tài trợ, thực hiện nhiều khâu ủy thác với Ngân hàng Chính sách Xã hội bằng các thỏa thuận hợp tác.

Các tổ chức hoạt động trong khu vực phi chính thức là những tổ chức không đăng ký hoạt động theo các qui định của pháp luật, tồn tại trong hầu hết các làng xã, cũng như cộng đồng dân cư sống tại thành thị, nông thôn của Việt Nam. Các tổ chức này gồm các nhóm tiết kiệm và cho vay quay vòng (chơi Họ hay Hội).

Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam

Theo định hướng chiến lược đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội nói trên, bên cạnh việc thực hiện đa thành phần sở hữu, đa dạng hình thức Tổ chức tín dụng, thì ngay trong thời kỳ đầu đổi mới hoạt động ngân hàng, thực hiện 2 Pháp lệnh Ngân hàng, Chính phủ Việt Nam đã cho thành lập Ngân hàng phục vụ người nghèo, trực thuộc Agribank, chuyên cho vay vốn đối với người nghèo (Agribank thực hiện nhận ủy thác cho vay...). Đến năm 2002, Chính phủ Việt Nam cho thành lập Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH), đối tượng vay vốn hầu hết là hộ gia đình nghèo, hộ gia đình chính sách xã hội, có hoàn cảnh khó khăn... sau gần 14 năm hoạt động, số lượng chương trình tín dụng đã tăng gấp 5 lần.

Tính đến hết tháng 5/2016, các chương trình tín dụng chính sách đạt tổng dư nợ lên tới 160.000 tỷ đồng. Đây là quy mô vốn thật ấn tượng và tăng trưởng đều, bình



ANH BẢNG TUYÊN

NHCS XH Việt Nam tiếp tục là định chế tài chính lớn thứ hai đóng vai trò chủ lực trong hoạt động tín dụng vi mô, trực tiếp là các hộ nghèo, hộ cận nghèo

quần tới hơn 10% mỗi năm. Trong điều kiện ngân sách khó khăn, nhưng hàng năm ngân sách các cấp vẫn cân đối một số vốn đáng kể đưa sang NHCSXH để cho vay. Trong số đó, Chương trình cho vay hộ nghèo đạt dư nợ 50.000 tỷ đồng... Bên cạnh đó, các hộ gia đình thuộc diện cận nghèo, khó tiếp cận vốn tín dụng của NHTM cũng được vay từ NHCSXH. Tính đến hết tháng 5/2016, dư nợ của chương trình này trên 10.000 tỷ đồng, chiếm 6,7% tổng dư nợ của NHCSXH Việt Nam.

Về phương thức cho vay, chuyển tài vốn đến đồng bào dân tộc thiểu số, vốn tín dụng của NHCSXH chủ yếu thông qua các Tổ Tiết kiệm và Vay vốn của 4 tổ chức Hội đoàn thể ở địa phương; bao gồm: Hội Nông dân; Hội Phụ nữ; Hội Cựu chiến binh; Đoàn Thanh niên. Đây là các hội đoàn thể mà các hộ đồng bào dân tộc thiểu số đều là thành viên.

Hoạt động tín dụng của NHCSXH thu hút được cả hệ thống chính trị vào cuộc. Từ Trung ương đến các địa phương, có Hội đồng quản trị và Ban đại diện Hội đồng quản trị, gồm chính quyền, đại diện một số ban ngành tham gia. Hoạt động cho vay tại các xã, phường, thị trấn, thu hút được cả hệ thống chính trị vào cuộc, với ít nhất 4 hội đoàn thể nói trên. Theo đó, hoạt động của NHCSXH góp phần đổi mới hoạt động của các đoàn thể chính trị xã hội, làm cho các hoạt động này thực chất hơn, sát hơn với lợi ích của hội viên. Vốn tín dụng được chuyển tải đúng đối tượng, vốn được giám sát ngay tại cơ sở sử dụng, gắn liền với các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, hướng dẫn hội viên biết cách làm ăn, sử dụng vốn vay đúng mục đích, tiết kiệm chi phí hoạt động cho vay.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)

Về phương thức cho vay vốn đối với Hộ sản xuất, Agribank thực hiện có hiệu quả Quyết định 67/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

Từ tháng 6/2010, Agribank triển khai thực hiện Nghị định 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ. Hiện nay, cho vay hộ sản xuất thực hiện theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực từ ngày 1/8/2015. Cá nhân, hộ gia đình... được tổ chức tín dụng cho vay không có tài sản bảo đảm như sau: tối đa 50 triệu đồng đối với cá nhân, hộ gia đình cư trú tại địa bàn nông thôn; cá nhân và hộ gia đình cư trú ngoài khu vực nông thôn có tham gia liên kết trong sản xuất nông nghiệp với hợp tác xã hoặc doanh nghiệp (trừ trường hợp nêu tại mức 3).

Qua nhiều năm triển khai thực hiện, có thể nói Agribank đã phối hợp chặt chẽ với Trung ương Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, hình thành các tổ vay vốn mà thành viên của tổ là hội viên của 2 tổ chức này. Các tổ vay vốn tiết kiệm (bao gồm hộ gia đình cận nghèo, hộ nông dân, HSX hàng hoá, doanh nghiệp nhỏ và vừa ở khu vực nông nghiệp nông thôn) được thành lập nhằm mở rộng cho vay, huy động vốn đồng thời giúp hộ nông dân sản xuất hàng hoá theo hướng hội nhập kinh tế thế giới, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật sản xuất, kinh doanh. Đây là một kênh dẫn vốn vay rất hiệu quả.

Dư nợ cho vay nền kinh tế của Agribank ước tính đạt trên 650.000 tỷ đồng; trong đó dư nợ cho vay hộ sản xuất và cá nhân ước tính đạt trên 420.000 tỷ đồng, có hơn 35.000 tổ vay vốn và trên 930.000 thành viên (khách hàng vay) với dư nợ trên 44.000 tỷ đồng.

Ước tính đến hết tháng 5/2016 dư nợ cho vay hộ sản xuất và cá nhân đạt 420.000 tỷ đồng; đến hết năm 2015, đạt 404.036 tỷ đồng, tăng 19,4% so với đầu năm. Trước đó, đến hết năm 2014, dư nợ cho vay hộ sản xuất và cá nhân đạt 338.632 tỷ đồng, tăng 39.972 tỷ đồng so với cuối năm 2013. Còn tại thời điểm 31/12/2013, dư nợ cho vay HSX và Cá nhân của Agribank đạt 298.650 tỷ đồng tăng 53.129 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng đạt 21,6% so với 31/12/2012; Số khách hàng còn dư nợ là 3.541.531 khách hàng, tăng so với 31/12/2012 là 327.996 khách hàng. Số liệu diễn biến trong cả giai đoạn 2009 - 5/2016 của Agribank dưới đây cho thấy rõ xu hướng diễn biến cho vay HSX và chủ lực xây dựng nông thôn mới.

Hàng năm dư nợ cho vay HSX chiếm khoảng trên 50% so với tổng dư nợ cho vay của Agribank và có xu hướng tăng lên, đỉnh cao là năm 2015 và những tháng đầu năm 2016, trên 56%, năm 2014 gần 56% và năm 2013 lên tới trên 56%. Điều đó cho thấy cho vay HSX có vai trò rất quan trọng của Agribank.

Số liệu nói trên cho thấy, nếu coi cho vay hộ sản xuất là hoạt động tín dụng vi mô thì Agribank đang

Dư nợ cho vay HSX của NHNo&PTNT Việt Nam so với tổng dư nợ giai đoạn 2009 - 5/2016

Đơn vị: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	5/2016
Tổng dư nợ	354.112	414.755	443.476	480.452	530.600	605.324	716.224	750.000
Dư nợ cho vay HSX và Cá nhân	182.945	201.203	211.964	245.481	298.650	338.632	404.036	420.000
Tỷ lệ cho vay HSX so với tổng dư nợ	51,66%	45,34%	47,79%	51,09%	56,23%	55,94%	56,41	56,0

Nguồn: Báo cáo của NHNo&PTNT Việt Nam, các năm 2009-2015. Số liệu năm 2016 là ước tính của tác giả. Tổng dư nợ bao gồm: dư nợ cho vay nền kinh tế và các khoản khác

giữ vai trò chủ lực có quy mô lớn nhất đối với lĩnh vực này.

Trong khuôn khổ Hội nghị thượng đỉnh Ngân hàng châu Á (Asian Banker Summit), ngày 10/5/2016, tại Hà Nội đã diễn ra Lễ trao giải Thành tựu Lãnh đạo Ngân hàng châu Á năm 2016. Trong đó giải thưởng Dịch vụ tài chính vi mô tốt nhất Việt Nam của Asian Banker được trao cho Agribank. Hoạt động này một lần nữa khẳng định quan điểm nhất quán và quan niệm tài chính vi mô của các nhà Ngân hàng châu Á như đã đề cập ở phần đầu bài viết.

Một số đề xuất

Một là, trong thời kỳ đổi mới vừa qua, đặc biệt những năm hội nhập gần đây, cũng như dự báo trong các năm 2016 - 2020, hoạt động tín dụng vi mô đã và đang đi vào hoạt động có tính chất chuyên môn hóa, có tính chiều sâu, hiệu quả, tiếp cận với thông lệ quốc tế, góp phần tái cơ cấu nền kinh tế, tái cơ cấu nông nghiệp - nông thôn, nâng cao chất lượng tín dụng và chất lượng nông phẩm khi thực hiện TPP. Dự báo trong các năm 2016 - 2020 và nhiều năm sau, Agribank vẫn giữ thị phần lớn nhất về tín dụng vi mô, tiếp tục là công cụ tài chính nhà nước quan trọng để Chính phủ, NHNN thực hiện giải pháp vốn tín dụng ngân hàng cho phát triển kinh tế hộ gia đình.

Bên cạnh đó, các cơ chế, chính sách cần tiếp tục hướng vào việc khuyến khích các TCTD cạnh tranh mạnh mẽ ở khu vực nông nghiệp - nông thôn. Bởi vậy, các biện pháp điều hành cụ thể của NHNN về cấp giấy phép mở Phòng giao dịch, mở chi nhánh TCTD, cũng như tỷ lệ dự trữ bắt buộc, cho vay tái cấp vốn, lãi suất... cũng cần tiếp tục được linh hoạt hơn nữa theo mục tiêu nói trên.

Hai là, NHCSXH Việt Nam tiếp tục là định chế tài chính lớn thứ hai đóng vai trò chủ lực trong hoạt động tín dụng vi mô, trực tiếp là các hộ nghèo, hộ cận nghèo. Do đó, Ngân sách nhà nước nên chủ động bố trí nguồn vốn cho NHCSXH Việt Nam, với mức tăng trưởng ít nhất là 15 - 20% để mở rộng quy mô cho vay các chương trình tín dụng hiện nay, đặc biệt kênh tín dụng hộ cận nghèo, cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn; nâng mức cho vay hộ nghèo, hộ đi xuất khẩu lao động...

Chính phủ, các bộ ngành liên quan cần hướng vốn tài trợ quốc tế, vốn ODA... thông qua NHCSXH để chuyển tài vốn đến các đối tượng gia đình chính sách. Để đạt được hiệu quả cần tăng cường vận động, thuyết phục, tuyên truyền... để các nhà tài trợ hiểu, tin tưởng mô hình mới, cách làm sáng tạo riêng có của Đảng và Chính phủ Việt Nam.

Hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn cần sự lồng ghép giữa tín dụng ngân hàng với khuyến nông, khuyến lâm. Thực hiện ủy thác cho vay thông qua các hội, đoàn thể kể cả món cho vay trên 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng, tạo điều kiện thuận lợi đáp ứng nhu cầu của người vay, phát huy hiệu quả nguồn vốn ưu đãi.

Ba là, sự phối hợp đồng bộ, việc tháo gỡ vướng mắc khó khăn... của các bộ ngành có liên quan, của các địa phương còn chậm đến hỗ trợ hộ nghèo, hộ khó khăn, thúc đẩy hoạt động tín dụng vi mô chưa đồng bộ và chưa hiệu quả, đặc biệt trong lĩnh vực tiêu thụ nông sản, khuyến nông và khuyến ngư, đào tạo nghề cho người nông dân.... Do đó cần có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ và hiệu quả hơn của các bộ ngành, các địa phương trong lĩnh vực này. Chính phủ và các Bộ ngành, các địa phương cần có giải pháp cụ thể hơn, quyết liệt hơn, tái cơ cấu mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh đào tạo nghề ở nông thôn, rà soát lại quy hoạch và đầu tư mạnh mẽ, có hiệu quả cho khuyến nông, khuyến lâm và khuyến ngư.

Bốn là, cần tạo ra một hành lang pháp lý riêng, đồng bộ và phù hợp với đặc trưng hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ TCVM. Ngân hàng Nhà nước và các Bộ ngành có liên quan cần sớm hoàn thiện các văn bản pháp lý cần thiết hướng dẫn hoạt động của TCVM. Bên cạnh đó cần có những chính sách hỗ trợ để khuyến khích sự phát triển bền vững của các tổ chức TCVM như chính sách thuế, chính sách lãi suất. Chính sách lãi suất nên linh hoạt, một mặt phù hợp với mục tiêu hoạt động của tổ chức TCVM; mặt khác phải bù đắp được chi phí hoạt động, và tự vững. Đối với chính sách thuế, cần có sự tính toán hợp lý, một mặt đảm bảo nguồn thu cho ngân sách, mặt khác phải đảm bảo tính hỗ trợ để các tổ chức TCVM phát triển gắn liền với mục tiêu xóa đói giảm nghèo. Ngân hàng Nhà nước kiên định quan điểm chi cấp giấy phép

(Xem tiếp trang 35)



Nếu coi cho vay hộ sản xuất là hoạt động tín dụng vi mô thì Agribank đang giữ vai trò chủ lực có quy mô lớn nhất đối với lĩnh vực này

ANH-BÙI-TRUNG

hơn các mức vay thông thường nhằm đảm bảo tính linh hoạt với từng đối tượng vay và đảm bảo thu nhập cho tổ chức TCVM để tồn tại. Riêng cách thức cho vay, khuyến khích cho vay theo tổ/nhóm như ở các nước để tăng tính hỗ trợ và thanh toán lẫn nhau giữa các thành viên trong tổ.

Bốn là, lãi suất và phí. NHNN cần khuyến khích các tổ chức TCVM hướng tới khung lãi suất thị trường để tránh tâm lý ỷ lại của người vay hoặc tiêu cực trong xét duyệt cho vay, bảo lãnh, thanh toán. Theo Ledgerwood (1999), hoạt động tổ chức TCVM cần hướng đến tính hiệu quả để đảm bảo sự phát triển bền vững, do đó việc hướng hoạt động tổ chức TCVM theo thị trường là tất yếu và lâu dài.

Năm là, về sản phẩm dịch vụ. Các cố đồng chiến lược cần hỗ trợ tổ chức TCVM xây dựng sản phẩm dịch vụ đa dạng, phù hợp cho vay nhỏ lẻ như cho vay trả góp, tái tục, lưu vụ với mức lãi suất có tích lũy. Các nghiệp vụ chuyển tiền, bảo lãnh, đại lý bảo hiểm, thu chi hộ... cần phát triển theo nhu cầu và năng lực của tổ chức TCVM. Trong tương lai, phát triển các sản phẩm tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động.

Sáu là, về rủi ro và an toàn hoạt động. Các tổ chức TCVM cần có hệ thống báo cáo đầy đủ, đáp ứng các yêu cầu kế toán, quản trị và phải tuân thủ triệt để các tiêu chí an toàn hoạt động, vẫn trích lập dự phòng rủi ro đối với nguồn vốn huy động tự nguyện cũng như trích đủ dự phòng rủi ro khi cho vay theo quy định NHNN tại Thông tư 07/2009 và Thông tư 15/2010/TT-NHNN.

Bảy là, về công nghệ thông tin. Do tính giản đơn của nghiệp vụ nên việc đầu tư hệ thống CNTT hiện đại như các NHTM là chưa cần thiết. Hơn nữa, vốn chủ sở hữu của các tổ chức cũng bị hạn chế, do đó chỉ cần lựa chọn hệ

thống CNTT đủ quản lý tích hợp, bảo mật và an toàn, phù hợp từng giai đoạn phát triển. Tuy nhiên vấn đề cần thiết là quản trị được rủi ro, cho phép chia sẻ hoặc cập nhật tự động thông tin về CIC để các tổ chức TCVM khác có thể giám sát khách hàng và phòng ngừa rủi ro chung.

Cuối cùng, về nhân sự. Ngoài lực lượng nhân sự khung theo quy định NHNN, các nhân sự còn lại có thể làm việc bán thời gian và hưởng hoa hồng nhằm làm gọn nhẹ bộ máy và tiết giảm chi phí cho tổ chức TCVM. Họ có thể đến từ các đoàn thể phường/xã hoặc nhân viên khuyến nông, nhân viên bảo hiểm... được đào tạo các kiến thức cơ bản về hoạt động tài chính vi mô.

Tóm lại, tổ chức TCVM là một loại hình tổ chức tín dụng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế như các loại hình tổ chức tín dụng khác, vì vậy cần hoàn thiện và phát triển loại hình TCVM là hết sức cần thiết nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống tài chính nói riêng, thúc đẩy phát triển bền vững đời sống xã hội nói chung ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Ledgerwood (1999), *Rural Finance Handbook. An Institutional and Financial Perspective*. The World Bank, Washington, D.C. 1999.

Lê Thanh Tâm và các thành viên (2011), "Phát triển hoạt động tài chính vi mô Việt Nam: Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn ứng dụng". Đề tài khoa học cấp cơ sở mã số CS.2010.07. Đại học Kinh tế Quốc dân, 2010-2011

Nghị định 28/2005/NĐ-CP và Nghị định 165/2007/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của tổ chức TCVM nhỏ tại Việt Nam, NHNN Việt Nam

Nguyễn Kim Anh (2011), *Tài chính vi mô với giảm nghèo tại Việt Nam - kiểm định và so sánh*. NXB Thống kê, 2011.

The World Bank *Financial Sector Development* (2001).

Department *The Experience in Ghana and the Philippines*

Thông tư số 07/2009/TT-NHNN: Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ. NHNN Việt Nam.

Thông tư số 15/2010/TT-NHNN: Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay trong hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ. NHNN Việt Nam.

BÀN VỀ HOẠT ĐỘNG...

(Tiếp theo trang 26)

hoạt động TCVM cho các tổ chức đủ điều kiện theo quy định; có biện pháp giám sát hiệu quả hoạt động của các tổ chức TCVM theo quy định hiện hành.

Năm là, nguồn nhân lực được coi là một trong những điều kiện quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của tổ chức TCVM. Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, các tổ chức TCVM cần có chính sách tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại cũng như chính sách đãi ngộ phù hợp nhằm thu hút nhân tài, nâng cao chất lượng cán bộ để đáp ứng được yêu cầu của công việc trong điều kiện mới.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục tiêu, vai trò và hiệu quả hoạt động của TCVM. Hoạt động TCVM không chỉ đơn thuần cung cấp dịch vụ tín dụng vi mô mà còn cung cấp các dịch vụ xã hội khác. Ngoài ra, để nâng cao nhận thức xã hội về hoạt động này, các tổ chức TCVM cần minh bạch và công khai thông tin trong khuôn khổ của pháp luật.

Kết luận

TCVM là một công cụ mạnh mẽ để góp phần giải quyết các chính sách xã hội; góp phần giải quyết vấn đề đói nghèo và thúc đẩy phát triển nền kinh tế bền vững tại nhiều quốc gia trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Nhờ có các tổ chức TCVM mà người nghèo, người có thu nhập thấp mới có khả năng tiếp cận với các dịch vụ tài chính ngân hàng để cải thiện cuộc sống, nâng cao thu nhập một cách bền vững, giảm thiểu các chi phí xã hội khác. Trong thời gian tới, rất nhiều thách thức đang đặt ra cho lĩnh vực này, đặc biệt là khi tham gia TPP. Để phát huy hơn nữa hiệu quả của công cụ tín dụng vi mô này đòi hỏi phải có sự nỗ lực mạnh mẽ hơn của bản thân các tổ chức TCVM, bên cạnh đó là việc hoàn thiện chính sách và sự phối hợp đồng bộ hơn nữa của toàn bộ nền kinh tế, của các cấp, các ngành ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Báo cáo tổng kết hàng năm của Agribank của NHCSXH

- Trang thông tin điện tử của NHNN

- Một số nguồn khác